

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/DS-PT
Ngày: 14 - 12 - 2022
*“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất
làm lối đi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Vũ

Bà Lê Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2022/DSPT ngày 01 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp Tranh chấp quyền sử dụng đất làm lối đi theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐ - PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trịnh Xuân T - sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu 1, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trịnh Xuân C – sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu 1, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1959 (là vợ Ông T). Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1970 (là vợ ông C). Có mặt.

3. Anh Trịnh Xuân C - sinh năm 1987

4. Chị Trịnh Thị H - sinh năm 1989.

(anh C, chị H là con Ông T, bà L). Đều vắng mặt

5. Anh Trịnh Công A - sinh năm 1992.

6. Anh Trịnh Xuân T - sinh năm 1993.

7. Chị Trịnh Kiều A - sinh năm 1998.

(anh A, anh T, chị A là con ông C, bà B). Đều vắng mặt

Đều có địa chỉ tại: Khu 1, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Trịnh Xuân T khởi kiện ông Trịnh Xuân C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L đều trình bày: Ông T, bà L là vợ

chồng, Ông T, bà L sinh được hai người con là anh Trịnh Xuân C và chị Trịnh Thị H. Ông T, bà L hiện đang sử dụng diện tích đất 1030m² tại thửa đất số 60 tờ bản đồ số 16b địa chỉ tại khu 1, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ, đến ngày 17/11/1999 gia đình ông được UBND huyện Đ H cấp GCN QSD đứng tên chủ sử dụng là hộ Ông Trịnh Xuân T. Nguồn gốc là do ông khai hoang năm 1988 sau đó được Nhà nước công nhận quyền sử dụng. Quá trình sử dụng thửa đất có lối đi qua đất hộ ông Trịnh Xuân C, lối đi này gia đình ông đi từ khi khai hoang cho đến nay, lối đi này ban đầu có chiều rộng khoảng 2m, chiều sâu khoảng 20m. Đến khoảng năm 2011 thì ông C có cho ông mở rộng thêm lối đi trong đó có một phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông Trịnh Xuân C và một phần đất làm lối đi từ trước ven theo mép bờ ruộng, sau này ông biết phần đất làm toàn bộ lối đi là diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ Công. Quá trình sử dụng đến năm 2021 thì xảy ra tranh chấp với ông C. Lối đi hiện nay có diện tích 188m² theo như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ mà hội đồng đã tiến hành thẩm định vào ngày 28/6/2022. Nay xác định thửa đất hiện gia đình Ông T đang sử dụng không có lối đi nào khác nên Ông T và bà L đều yêu cầu buộc ông Trịnh Xuân C cho gia đình Ông T, bà L sử dụng lối đi và Ông T, bà L có nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất theo giá của Hội đồng định giá cho ông C. Trên diện tích đất hiện làm lối đi không có tài sản gì có giá trị nên ông không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Về công tôn tạo lối đi ông không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Trịnh Xuân C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B (vợ ông C), anh Trịnh Công A, anh Trịnh Xuân T và chị Trịnh Kiều A (con ông C, bà B) đều trình bày: Gia đình ông C có diện tích đất 3.900m² tại thửa đất số 59 tờ bản đồ số 16b địa chỉ tại Khu 1, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/11/1999 đứng tên hộ ông Trịnh Minh C (khi cấp giấy ông Trịnh Xuân C có kê khai nhằm tên đệm là Trịnh Minh C) là thửa đất nằm tiếp giáp thửa đất số 60 tờ bản đồ số 16b hiện gia đình Ông T đang sử dụng, phần diện tích đất hiện làm lối đi gia đình Ông T đang sử dụng là diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông C. Năm 1991 ông C cho Ông T đi nhờ trên lối đi này, lối đi ban đầu rộng khoảng 1m đến năm 2011 ông C cho Ông T mở rộng lối đi. Lối đi hiện nay có diện tích 188m² theo như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ mà hội đồng đã tiến hành thẩm định vào ngày 28/6/2022. Ngoài lối đi này, nhà Ông T không có lối đi nào khác. Nay Ông T yêu cầu ông C cho sử dụng lối đi thì ông C vẫn đồng ý cho sử dụng nhưng không đồng ý cắt đất cho Ông T mà chỉ cho đi nhờ. Trên diện tích đất hiện làm lối đi không có tài sản gì có giá trị nên ông không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra anh Trịnh Công A, anh Trịnh Xuân T và chị Trịnh Kiều A đều trình bày diện tích đất là lối đi hiện Ông T đang khởi kiện ông C là diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông C, bà B nên anh A, anh T và chị A không có đóng góp gì về công sức nên không xin hưởng lợi gì đối với việc Tòa án phân chia diện tích đất làm lối đi của hai hộ Ông T và ông C.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ H đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên đã ra quyết định thành lập hội đồng định giá tài sản,

quyết định xem xét thẩm định tại chỗ. Quá trình xem xét thẩm định, định giá ngày 28/6/2022 xác định được: Diện tích đất hiện hộ Ông T và hộ ông C cùng sử dụng làm lối đi và đang tranh chấp có diện tích 188m² nằm trong diện tích đất 3.900m² tại thửa đất số 59 tờ bản đồ số 16b địa chỉ tại Khu 1, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/11/1999 đứng tên hộ ông Trịnh Minh C (Trịnh Xuân C), mốc giới theo sơ đồ: Phía Tây có chiều rộng 3,97m: điểm 12-13= 3,97 tiếp giáp thửa đất 60 thuộc quyền sử dụng của Ông Trịnh Xuân T; Phía Đông có chiều rộng 6,47m: điểm 3-4=6,47m tiếp giáp thửa đất số 59 thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh Xuân C; Phía Nam: điểm 13-14=1,94m, điểm 14-15 =10m, điểm 15-16=7,4m, điểm 16-17=7,07m, điểm 17-18=5,76m, điểm 18-1=7,92m, điểm 1-2 = 9,53m, điểm 2-3 = 3,8m tiếp giáp đất lúa UBND xã M T quản lý và một phần đất ông Trịnh Xuân C đang sử dụng; Phía Bắc: điểm 12-11=7,99m, điểm 11-10=8,76m; điểm 10-9=2,99m, điểm 9-8=5,91m, điểm 8-7=5,15m, điểm 7-6=4,99m, điểm 6-5=8,93m, điểm 5-4=6,46m tiếp giáp phần đất hộ ông Trịnh Xuân C đang sử dụng. Có giá 83.000đ/1m² x 188m² = 15.604.000đ (mười lăm triệu sáu trăm linh bốn nghìn đồng), nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan đều nhất trí vô giá trị tài sản đã được Hội đồng định giá.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ đã:

Căn cứ: khoản 2, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26; Điều 107; Điều 166; Điều 171 của Luật đất đai năm 2013. Điều 245, 254 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trịnh Xuân T đối với ông Trịnh Xuân C

Buộc bị đơn ông Trịnh Xuân C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B mở lối đi chung có diện tích đất 188m² tại thửa đất số 59, số tờ bản đồ 16b địa chỉ khu 1, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trịnh Minh C (Trịnh Xuân C) do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 17/11/1999, có mốc giới theo sơ đồ: Phía Tây có chiều rộng 3,97m: điểm 12-13= 3,97m tiếp giáp thửa đất 60 thuộc quyền sử dụng của Ông Trịnh Xuân T; Phía Đông có chiều rộng 6,47m: điểm 3-4=6,47m tiếp giáp thửa đất số 59 thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh Minh C (Trịnh Xuân C); Phía Nam: điểm 13-14=1,94m, điểm 14-15 =10m, điểm 15-16=7,4m, điểm 16-17=7,07m, điểm 17-18=5,76m, điểm 18-1=7,92m, điểm 1-2 = 9,53m, điểm 2-3 = 3,8m tiếp giáp đất lúa UBND xã M T quản lý và một phần đất ông Trịnh Xuân C đang sử dụng; Phía Bắc: điểm 12-11=7,99m, điểm 11-10=8,76m; điểm 10-9=2,99m, điểm 9-8=5,91m, điểm 8-7=5,15m, điểm 7-6=4,99m, điểm 6-5=8,93m, điểm 5-4=6,46m tiếp giáp phần đất hộ ông Trịnh Minh C (Trịnh Xuân C) đang sử dụng để làm lối đi chung vào thửa đất số 60 tờ bản đồ số 16b

địa chỉ tại Khu 1, xã M T, huyện Đ H đứng tên hộ Ông Trịnh Xuân T và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 16b địa chỉ tại Khu 1, xã M T, huyện Đ H đứng tên hộ ông Trịnh Minh C (Trịnh Xuân C) (có sơ đồ kèm theo).

2. Về nghĩa vụ thanh toán trị giá tài sản

Buộc Ông Trịnh Xuân T thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị 188m² diện tích đất là 15.604.000đ/2=7.802.000đ (bảy triệu tám trăm linh hai nghìn đồng) cho ông Trịnh Xuân C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi xuất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, ông Trịnh Xuân C có đơn kháng cáo Bản án số 08/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ với nội dung:

1. Đề nghị Tòa án xác minh và có quyết định phân đất tranh chấp;
2. Xem xét lại quyết định buộc cắt đất của ông làm đường đi chung.

Tại phiên tòa, ông Trịnh Xuân C kháng cáo bổ sung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm cắt phân đất của gia đình nhà ông làm lối đi chung.

Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu về quan điểm nội dung vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của Ông Trịnh Xuân T.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố Tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Xuân C, chị Trịnh Thị H, anh Trịnh Công A, anh Trịnh Xuân T, chị Trịnh Kiều A đều vắng mặt. Xét thấy quá trình xét xử sơ thẩm những người này đều có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa phúc thẩm Ông Trịnh Xuân T và bà Nguyễn Thị L là bố mẹ đẻ của anh C và chị H đều đề nghị do hiện nay anh C và chị H công tác trong Bình Dương nên xin được xét xử vắng mặt; ông Trịnh Xuân C và bà Nguyễn Thị B đều trình bày do hiện nay anh A, anh T, chị A đều bận công việc nên đề nghị xét xử vắng mặt. Ông T, bà L,

ông C, bà B đều đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Do vậy Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử những người này quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hình thức đơn kháng cáo của ông Trịnh Xuân C làm trong luật định, đơn hợp lệ.

[3] Xét về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hộ Ông Trịnh Xuân T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 1030m² tại thửa đất số 60 tờ bản đồ số 16b địa chỉ tại Khu 1, xã M T; Hộ ông Trịnh Xuân C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 3.900m² tại thửa đất số 59 tờ bản đồ số 16b địa chỉ tại Khu 1, xã M T. Phần lối đi hộ Ông T và hộ ông C đang sử dụng có diện tích 188m² có nguồn gốc làm lối đi từ năm 1991 đến nay, các bên đã sử dụng lâu dài. Căn cứ biên bản thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích lối đi 188m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trịnh Xuân C, đây là con đường duy nhất để đi vào thửa đất hộ Ông T và cũng là đường đi vào một phần thửa đất của hộ ông C, ngoài lối đi này hộ Ông T không còn lối đi nào khác. Căn cứ điều 254 Bộ luật dân sự quy định về quyền mở lối đi đối với bất động sản liền kề, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trịnh Xuân T và buộc hộ ông Trịnh Xuân C mở lối đi chung có diện tích đất 188m² tại số thửa 59, số tờ bản đồ 16b đồng thời buộc Ông Trịnh Xuân T thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị 188m² diện tích đất là có căn cứ.

Về tài sản trên diện tích đất 188m² hiện đang tranh chấp giữa Ông Trịnh Xuân T và ông Trịnh Xuân C không có công trình xây dựng cũng như không có cây cối hoa màu trên đất, các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Xuân C nên cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

[4] Xét đề nghị của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận

[5] Về quan điểm việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Trịnh Xuân C không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

[I] Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Xuân C.

[II] Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ: Khoản 2, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26; Điều 107; Điều 166; Điều 171 của Luật đất đai năm 2013. Điều 245, 254 của Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trịnh Xuân T đối với ông Trịnh Xuân C

Buộc bị đơn ông Trịnh Xuân C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B mở lối đi chung có diện tích đất 188m² tại số thửa 59, số tờ bản đồ 16b địa chỉ khu 1, xã M T, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Trịnh Minh C (Trịnh Xuân C) do Ủy ban nhân dân huyện Đ H cấp ngày 17/11/1999, có mốc giới theo sơ đồ: Phía Tây có chiều rộng 3,97m: điểm 12-13= 3,97m tiếp giáp thửa đất 60 thuộc quyền sử dụng của Ông Trịnh Xuân T; Phía Đông có chiều rộng 6,47m: điểm 3-4=6,47m tiếp giáp thửa đất số 59 thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh Minh C (Trịnh Xuân C); Phía Nam: điểm 13-14=1,94m, điểm 14-15 =10m, điểm 15-16=7,4m, điểm 16-17=7,07m, điểm 17-18=5,76m, điểm 18-1=7,92m, điểm 1-2 = 9,53m, điểm 2-3 = 3,8m tiếp giáp đất lúa UBND xã M T quản lý và một phần đất ông Trịnh Xuân C đang sử dụng; Phía Bắc: điểm 12-11=7,99m, điểm 11-10=8,76m; điểm 10-9=2,99m, điểm 9-8=5,91m, điểm 8-7=5,15m, điểm 7-6=4,99m, điểm 6-5=8,93m, điểm 5-4=6,46m tiếp giáp phần đất hộ ông Trịnh Minh C (Trịnh Xuân C) đang sử dụng để làm lối đi chung vào thửa đất số 60 tờ bản đồ số 16b địa chỉ tại Khu 1, xã M T, huyện Đ H đứng tên hộ Ông Trịnh Xuân T và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 16b địa chỉ tại Khu 1, xã M T, huyện Đ H đứng tên hộ ông Trịnh Minh C (Trịnh Xuân C) (có sơ đồ kèm theo).

2. Về nghĩa vụ thanh toán trị giá tài sản

Buộc Ông Trịnh Xuân T thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị 188m² diện tích đất là $15.604.000\text{đ}/2=7.802.000\text{đ}$ (bảy triệu tám trăm linh hai nghìn đồng) cho ông Trịnh Xuân C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thi hành, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (chi phí đo đạc) và định giá:

Ông Trịnh Xuân T xin chịu cả và không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Trịnh Xuân C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Xuân C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được trừ vào số tiền ông C đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004180 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ lập ngày 07/9/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS tỉnh Phú Thọ;
- VKS huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- Tòa án nhân dân huyện Đ H;
- Lưu hồ sơ vụ án (02 bản);
- Lưu văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Toàn